

Số: 22/QĐ-ĐHBL

Bạc Liêu, ngày 10 tháng 04 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thực hiện chế độ miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập cho sinh viên học kỳ II, năm học 2024 - 2025

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC BẠC LIÊU

Căn cứ Quyết định số 1558/QĐ-TTg ban hành ngày 24/11/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Bạc Liêu;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 31/12/2019 về việc Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập;

Căn cứ Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/06/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16/09/2021 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm ủy ban dân tộc phê duyệt danh sách các thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg - Hà Nội, ngày 11 tháng 11 năm 2013, Quy định chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các cơ sở giáo dục Đại học;

Căn cứ Quyết định số 417/QĐ-UBND ngày 10/12/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Bạc Liêu về việc giao dự toán ngân sách Nhà nước năm 2025;

Căn cứ Quyết định 618/QĐ-ĐHBL ngày 10/09/2024 của Hiệu trưởng trường Đại học Bạc Liêu về việc quy định mức thu học phí trình độ đại học, cao đẳng chính quy năm học 2024 - 2025;

Theo đề nghị của Phòng Quản lý Đào tạo và Công tác sinh viên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thực hiện chế độ miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập cho sinh viên học kỳ II, năm học 2024- 2025 (hệ Đại học) như sau:

- Miễn học phí: 10 sinh viên
- Giảm học phí: 14 sinh viên
- Hỗ trợ học phí học tập: 01 sinh viên

(Có danh sách cụ thể kèm theo).

Tổng số tiền: 151.745.000đ

(Bằng chữ: Một trăm năm mươi một triệu bảy trăm bốn mươi lăm nghìn đồng).

Điều 2. Nguồn kinh phí thực hiện: Kinh phí NSNN cấp - Kinh phí không thực hiện tự chủ.

Điều 3. Lãnh đạo các đơn vị: Phòng Kế hoạch và Tài chính, Phòng Quản lý Đào tạo và Công tác sinh viên và các Khoa: Sư phạm, Kinh tế và Luật, Nông nghiệp và Thủy sản, Kỹ thuật và Công nghệ, Khoa học xã hội và các sinh viên có tên ở Điều 1 căn cứ quyết định thi hành.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT.



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ
HỌC KỲ II, NĂM HỌC 2024 - 2025**

*Kèm theo Quyết định số: 322 /QĐ-ĐHBL ngày 10 tháng 04 năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Bạc Liêu*

ĐVT: đồng

TT	Họ và tên	Lớp	Khoa	Đối tượng	Mức học phí HKII, Năm học 2024 - 2025	Số tiền được Miễn/Giảm	Ghi chú
I. MIỄN 100 % HỌC PHÍ							
1	Âu Thanh Mỹ	15DNV	KHXXH	Sinh viên khuyết tật	6.850.000	6.850.000	
2	Nguyễn Hoàng	15DNT	NN và Thủy sản	Con thương binh loại A - Hạng 4/4	7.700.000	7.700.000	
3	Phan Minh Phúc	16DKT1	KT và Luật	Sinh viên không quá 22 tuổi đang học văn bằng thứ nhất thuộc đối tượng hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng	6.450.000	6.450.000	
4	Lê Thị Hồng Cúc	16DNT1	NN và Thủy sản	Con thương binh - Hạng 2/4	7.700.000	7.700.000	
5	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	16DQT	KT và Luật	Sinh viên khuyết tật	6.450.000	6.450.000	
6	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	16DTA1	KHXXH	Con thương binh - Hạng 4/4	6.850.000	6.850.000	
7	Trần Chí Thịnh	17DCNTT1	KT và CN	Sinh viên khuyết tật	7.700.000	7.700.000	
8	Võ Minh Trên	17DCNPM	KT và CN	Sinh viên khuyết tật	7.700.000	7.700.000	
9	Danh Quyển	18DCNTT1	KT và CN	Sinh viên là người dân tộc thiểu số có cả Cha và mẹ thuộc gia đình hộ cận nghèo (Khoản 12, Điều 15)	7.700.000	7.700.000	



10	Trần Như Ý	18DCNTT2	KT và CN	Sinh viên không quá 22 tuổi đang học văn bằng thứ nhất thuộc đối tượng hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng.	7.700.000	7.700.000	
Tổng (I):					72.800.000		

II. MIỄN 70 % HỌC PHÍ

1	Thạch Thành Long	15DNTCNC	NN và Thủy sản	Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở khu vực III, vùng dân tộc và miền núi (xã Lai Hòa, Thị xã Vĩnh Châu, Tỉnh Sóc Trăng).	7.700.000	5.390.000	Theo QĐ số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021
2	Thạch Thị Chăm Py	15DCN	NN và Thủy sản	Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở khu vực III vùng dân tộc và miền núi (phường Vĩnh Phước – thị xã Vĩnh Châu – Tỉnh Sóc Trăng).	7.700.000	5.390.000	Theo QĐ số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021
3	Võ Quốc Thái	16DTH2	Kỹ thuật và CN	Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn đặc biệt khó khăn (ấp 7, xã Tân Lộc Bắc, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau).	7.700.000	5.390.000	Theo QĐ số 612/QĐ-UBND ngày 16/9/2021
4	Trà Thị Mỹ Trân	17DNNA1	KHXH	Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn đặc biệt khó khăn (Khóm Sờ Tại B, phường Vĩnh Phước, thị xã Vĩnh Châu, Tỉnh Sóc Trăng).	6.850.000	4.795.000	Theo QĐ số 612/QĐ-UBND ngày 16/9/2021
5	Thạch Tú Trân	17DTCNH	KT và Luật	Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn đặc biệt khó khăn (Khóm Sân Chim, phường 2, thị xã Vĩnh Châu, Tỉnh Sóc Trăng).	6.450.000	4.515.000	Theo QĐ số 612/QĐ-UBND ngày 16/9/2021
6	Thạch Đại Dĩ	17DNT2	NN và Thủy sản	Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi (Ấp Lai Hoà A, xã Lai Hòa, thị xã Vĩnh Châu, Tỉnh Sóc Trăng).	7.700.000	5.390.000	Theo QĐ số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021
7	Lâm Sơn Minh Thế	15DBVTV	NN và Thủy sản	Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn đặc biệt khó khăn (Ấp Vĩnh Thạnh B, xã Vĩnh Hải, Thị xã Vĩnh Châu, Tỉnh Sóc Trăng).	7.700.000	5.390.000	Theo QĐ số 612/QĐ-UBND ngày 16/9/2021
8	Trần Văn Ngà	18DNTTS		Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi (Ấp Lai Hoà	7.700.000	5.390.000	Theo QĐ số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021

			NN và Thủy sản	A, xã Lai Hoà, Thị xã Vĩnh Châu, Tỉnh Sóc Trăng)			
9	Huỳnh Thị Cẩm Như	18DCNTY	NN và Thủy sản	Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở khu vực III, vùng dân tộc và miền núi (Ấp lai Hoà A, xã Lai Hòa, thị xã Vĩnh Châu, Tỉnh Sóc Trăng)	7.700.000	5.390.000	Theo QĐ số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021
10	Huỳnh Thị Ngọc Tú	18DCNTY	NN và Thủy sản	Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở khu vực III, vùng dân tộc và miền núi (Ấp lai Hoà A, xã Lai Hòa, thị xã Vĩnh Châu, Tỉnh Sóc Trăng)	7.700.000	5.390.000	Theo QĐ số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021
11	Sơn Ngọc Ngân	18DQTKD	KT và Luật	Sinh viên là đối tượng người dân tộc thiểu số ở khu vực III, vùng dân tộc và miền núi (Ấp Xung Thum B, xã Lai Hoà, thị xã Vĩnh Châu, Tỉnh Sóc Trăng).	6.450.000	4.515.000	Theo QĐ 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021
12	Liêu Thị Phương Thanh	18DBVTV	NN và Thủy sản	Sinh viên là đối tượng người dân tộc thiểu số ở thôn đặc biệt khó khăn (ấp 2, xã Thạnh Tân - Thạnh Trị - Tỉnh Sóc Trăng).	7.700.000	5.390.000	Theo QĐ số 612/QĐ-UBDT ngày 16/9/2021
13	Liêu Yến Nhi	18DNNA2	KHXXH	Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở xã khu vực III (Khóm Sân Chim, phường 2, thị xã Vĩnh Châu, Tỉnh Sóc Trăng).	6.850.000	4.795.000	Theo QĐ 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021
14	Trần Tuấn Kiệt	18DTVHVHN2	KHXXH	Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở thôn đặc biệt khó khăn (Ấp 1, xã Khánh Hội, huyện U Minh, Tỉnh Cà Mau)	6.850.000	4.795.000	Theo QĐ số 612/QĐ-UBDT ngày 16/9/2021
Tổng (II):						71.925.000	
Tổng (I) + (II)						144.725.000	

Số tiền bằng chữ: Một trăm bốn mươi bốn triệu bảy trăm hai mươi lăm nghìn đồng.

Danh sách này có 24 sinh viên. Trong đó:

- Miễn 100 %: học phí : 10 Sinh viên.
- Giảm 70 % học phí : 14 Sinh viên.

Bạc Liêu, ngày 10 tháng 04 Năm 2025
PHÒNG QLĐT VÀ CTSV



HIỆU TRƯỞNG

Phan Văn Dân

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Quách Ngọc Phương

Cô Vĩnh Sơn

**DANH SÁCH SINH VIÊN NHẬN HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP
HỌC KỲ II, NĂM HỌC 2024 - 2025**

*Kèm theo Quyết định số: 322/QĐ-ĐHBL ngày 10 tháng 04 năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Bạc Liêu*

TT	Họ và tên	Lớp	Khoa	Đối tượng	Mức chi/tháng (60% mức lương cơ sở)	Số tháng	Thành tiền	Ghi chú
1	Danh Quyển	18DCNTT1	KT và CN	Sinh viên là người dân tộc thiểu số có cả Cha và mẹ thuộc gia đình hộ cận nghèo (Khoản 12, Điều 15)	1.404.000	05	7.020.000	
Tổng số tiền:							7.020.000	

*Số tiền bằng chữ: Bảy triệu không trăm hai mươi ngàn đồng
Danh sách này có 01 sinh viên./.*

HIỆU TRƯỞNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Bạc Liêu, ngày 10 tháng 04 năm 2025
PHÒNG QLĐT VÀ CTSV



Phan Văn Dân

Quách Ngọc Phương

Tô Vĩnh Sơn